

THÔNG TƯ
Quy định về đồ vật cấm đưa vào
cơ sở giam giữ phạm nhân và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng.

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về đồ vật cấm đưa vào cơ sở giam giữ phạm nhân và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đồ vật cấm đưa vào cơ sở giam giữ phạm nhân của Công an nhân dân (sau đây gọi chung là cơ sở giam giữ) và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ sở giam giữ, phạm nhân đang chấp hành án phạt tù và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm.

Điều 3. Đồ vật cấm

1. Vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao và vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự; vật liệu nổ.

2. Công cụ hỗ trợ: Các loại súng dùng để bắn đạn nhựa, đạn cao su, hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, từ trường, laze, pháo hiệu và các loại đạn sử dụng cho các loại súng này; các loại phương tiện xịt hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, chất gây ngứa; các loại lựu đạn khói, lựu đạn cay, quả nổ; dùi cui điện, dùi cui cao su, dùi cui kim loại, bàn chông, dây đinh gai, áo giáp, găng tay điện, găng tay bắt dao, mũ chống đạn và các loại công cụ hỗ trợ khác.

3. Chất gây mê, chất độc, chất cháy, chất gây cháy, chất phóng xạ, hoá chất, độc dược.
4. Các chất ma túy, tiền chất ma túy, thuốc gây nghiện và thuốc hướng thần.
5. Các loại thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh, thực phẩm chức năng chưa được sự đồng ý của thủ trưởng cơ sở giam giữ; rượu, bia và các chất kích thích khác.
6. Các đồ vật bằng kim loại, đồ làm bằng sành sứ, đá, thuỷ tinh, phích nước và các đồ vật có thể dùng làm hung khí.
7. Tiền Việt Nam, các loại thẻ thanh toán bằng hình thức điện tử, ngoại tệ, giấy tờ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý.
8. Các loại giấy tờ khác như: Chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu, hộ khẩu, giấy chứng nhận nghề, bằng cấp, chứng chỉ và các giấy tờ chứng nhận khác.
9. Các loại thiết bị thông tin liên lạc cá nhân, phương tiện ghi âm, ghi hình.
10. Các loại sách, báo, ấn phẩm bằng tiếng nước ngoài, tôn giáo, tín ngưỡng chưa qua kiểm duyệt; tranh, ảnh, phim, băng đĩa có nội dung mê tín dị đoan, phản động, đồi trụy; các loại bài lá, sách, báo, ấn phẩm, tài liệu (in, viết) gây ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý, giáo dục phạm nhân.
11. Các đồ vật khác có thể gây mất an ninh, an toàn cơ sở giam giữ, gây nguy hại cho bản thân phạm nhân và người khác, ảnh hưởng xấu đến vệ sinh môi trường hoặc để sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Điều 4. Thu giữ, bảo quản đồ vật cấm

1. Khi phát hiện phạm nhân, cá nhân, tổ chức có hành vi đưa vào, tàng trữ, sử dụng đồ vật cấm trong cơ sở giam giữ, cán bộ có trách nhiệm phải lập biên bản vi phạm và tạm giữ đồ vật cấm, ghi lời khai người vi phạm và người làm chứng. Trong biên bản thu giữ phải mô tả đúng thực trạng số lượng, trọng lượng, chủng loại, hình dáng, kích thước, màu sắc và các đặc điểm khác của vật cấm, đồng thời, niêm phong đồ vật cấm (đối với đồ vật cần niêm phong).
2. Đồ vật cấm đã thu giữ phải được phải bảo quản nguyên vẹn, có biên bản giao nhận và sổ sách ghi chép đầy đủ, không để mất mát, hư hỏng.
3. Cơ sở giam giữ có trách nhiệm bố trí kho lưu giữ và cán bộ quản lý đồ vật cấm theo quy định.

Điều 5. Xử lý vi phạm

1. Đối với hành vi đưa vào, tàng trữ, sử dụng đồ vật cấm trong trại giam có dấu hiệu tội phạm thì Giám thị trại giam ra quyết định khởi tố vụ án tiến hành các hoạt động điều tra ban đầu, sau đó chuyển Cơ quan điều tra có thẩm quyền để xử

lý theo quy định của pháp luật. Đối với hành vi đưa vào, tàng trữ, sử dụng đồ vật cấm trong trại tạm giam, nhà tạm giữ có dấu hiệu tội phạm thì Giám thị trại tạm giam, trưởng nhà tạm giữ có văn bản đề nghị và chuyển ngay hồ sơ vi phạm, vật chứng cho cơ quan điều tra có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Người nào phát hiện, tố giác hành vi đưa vào, tàng trữ, sử dụng đồ vật cấm trong vào cơ sở giam giữ giúp cơ quan chức năng kịp thời phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm, thu giữ đồ vật cấm sẽ được khen thưởng. Tổ chức, cá nhân có hành vi giúp sức, bao che đưa vào, tàng trữ, sử dụng đồ vật cấm trong cơ sở giam giữ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý đồ vật cấm

1. Đồ vật cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, Điều 3 Thông tư này thì lập biên bản chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; đồ vật cấm quy định tại các khoản 5, 6, 10, 11 Điều 3 Thông tư này thì tổ chức tiêu hủy.

2. Đối với đồ vật cấm quy định tại khoản 7 Điều 3 Thông tư này trong trường hợp phạm nhân tự nguyện giao nộp thì được đưa vào lưu giữ hoặc bàn giao cho thân nhân phạm nhân theo đề nghị. Trong trường hợp phát hiện, thu giữ thì sau khi đấu tranh, xử lý hành vi vi phạm, đồ vật cấm này được gửi vào kho bạc nhà nước nơi đơn vị đóng quân để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Đồ vật cấm quy định tại khoản 8 Điều 3 Thông tư này thì đưa vào kho lưu giữ và trả lại cho phạm nhân sau khi chấp hành xong án phạt tù.

4. Đồ vật cấm quy định tại Khoản 9 Điều 3 Thông tư này sau khi thu giữ phải niêm phong, lưu giữ để làm rõ nội dung vụ việc và xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Việc xử lý đồ vật cấm phải thành lập Hội đồng xử lý. Thành phần Hội đồng xử lý đồ vật cấm ở cơ sở giam giữ được quy định như sau:

a) Đối với Hội đồng xử lý đồ vật cấm của trại giam do Giám thị làm Chủ tịch; Phó Giám thị phụ trách công tác trình sát làm Phó Chủ tịch; Trưởng phân trại, Đội trưởng Đội Trình sát, Đội Quản giáo, Đội Giáo dục và hồ sơ, Đội Cảnh sát bảo vệ - cơ động, Đội Tài vụ - hậu cần, Đội Y tế và môi trường làm Ủy viên.

b) Đối với Hội đồng xử lý đồ vật cấm của trại tạm giam do Giám thị làm Chủ tịch; Phó Giám thị phụ trách phân trại quản lý phạm nhân làm Phó Chủ tịch; Trưởng phân trại; Đội trưởng Đội Tham mưu - Hậu cần (những trại tạm giam có Đội Trình sát thì Đội Trình sát thay Đội Tham mưu - Hậu cần làm Ủy viên), Đội Y tế, Đội Cảnh sát bảo vệ, Đội Quản giáo làm Ủy viên.

c) Đối với Hội đồng xử lý đồ vật cấm của nhà tạm giữ do Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện làm Chủ tịch. Đội trưởng Đội Cảnh sát Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp làm Phó Chủ tịch, cán bộ phụ trách buồng giam, Cảnh sát bảo vệ làm Ủy viên.

Điều 7. Hồ sơ xử lý đồ vật cấm

1. Hồ sơ xử lý đồ vật cấm bị thu giữ bao gồm:

- a) Biên bản vi phạm và tạm giữ đồ vật cấm (Biên bản niêm phong đồ vật cấm nếu có);
- b) Biên bản nghi lời khai người vi phạm và người làm chứng;
- c) Bản kiểm điểm người vi phạm, bản tường trình của người có liên quan;
- d) Báo cáo của cán bộ thu giữ đồ vật cấm;
- đ) Báo cáo đề nghị hình thức kỷ luật phạm nhân vi phạm;
- e) Quyết định thu giữ đồ vật cấm;
- g) Quyết định xử lý đồ vật cấm;
- h) Quyết định xử lý người có hành vi vi phạm (nếu có);
- i) Biên bản xử lý đồ vật cấm (biên bản bàn giao, tiêu huỷ vật cấm);
- k) Biên bản bàn giao hồ sơ, tài liệu có liên quan (nếu chuyển cho các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định);
- l) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Hồ sơ xử lý đồ vật cấm đối với trại giam được lưu giữ tại Đội Trinh sát, đối với trại tạm giam được lưu giữ tại Đội Tham mưu – Hậu cần (những trại tạm giam có Đội Trinh sát thì lưu giữ tại Đội Trinh sát) nhà tạm giữ Công an cấp huyện được lưu giữ tại Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp. Việc bảo quản và lưu giữ hồ sơ thực hiện theo quy định về chế độ quản lý hồ sơ của Bộ Công an.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2020 và thay thế Thông tư số 58/2011/TT-BCA ngày 09/8/2011 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về danh mục đồ vật cấm đưa vào trại giam và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Công an các địa phương, Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng có trách nhiệm giúp Bộ trưởng kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng) để có hướng dẫn kịp thời. / *mil*

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các trại giam, trại tạm giam thuộc Bộ Công an;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện;
- Công báo;
- Lưu: VT, C10, V03.



Đại tướng Tô Lâm